

BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN VỪA
(Từ ngày 21 đến 31/01/2025)

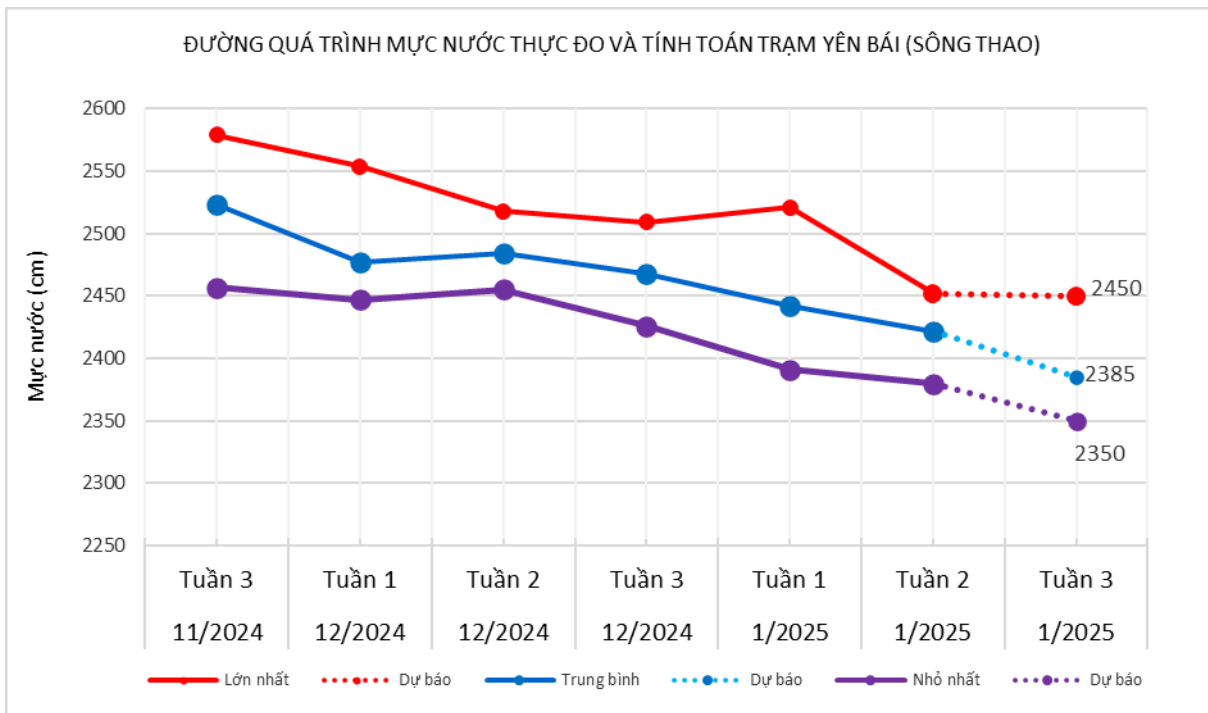
1. Khu vực Miền núi phía Bắc

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

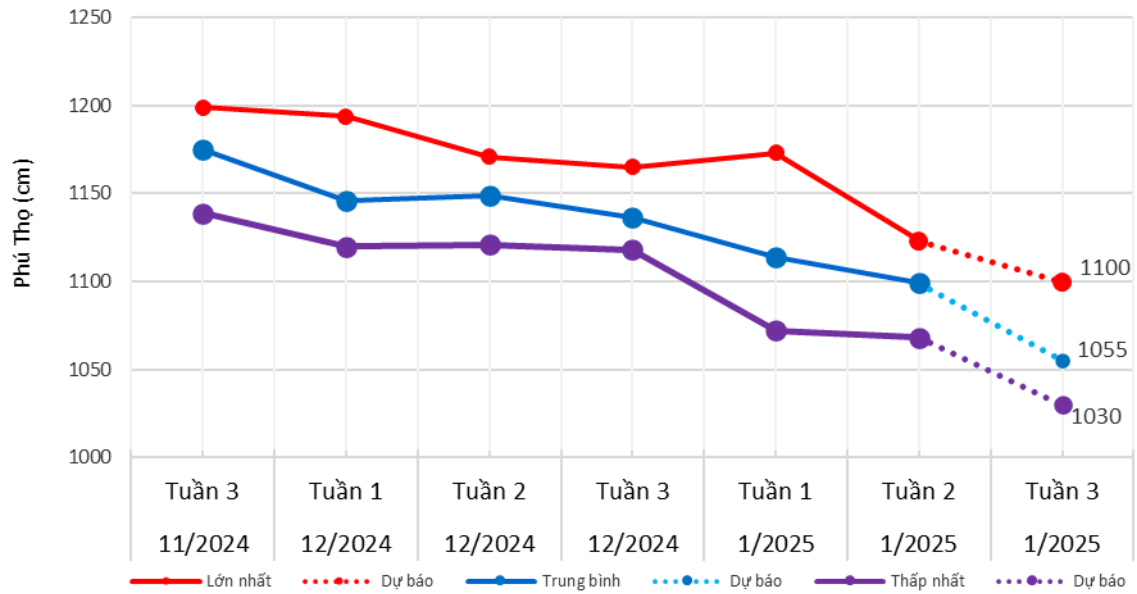
Trong 10 ngày qua, trên sông Thao mực nước biến đổi chậm. Mực nước sông Lô lên do thủy điện Tuyên Quang tăng cường phát điện, phục vụ đồ ải vụ đông xuân đợt 1 (từ ngày 12 đến ngày 16), sau biến đổi chậm theo điều tiết của các thủy điện tuyến trên.

b. Dự báo, cảnh báo

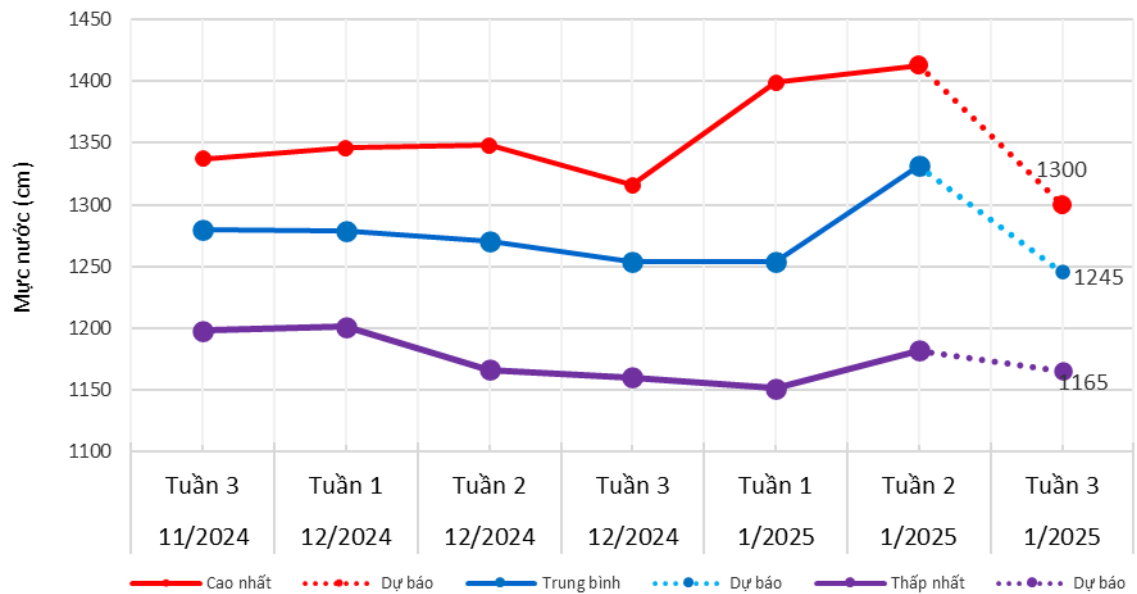
Trên sông Thao mực nước tiếp tục biến đổi chậm. Mực nước sông Lô tiếp tục biến đổi chậm theo điều tiết của các thủy điện tuyến trên.

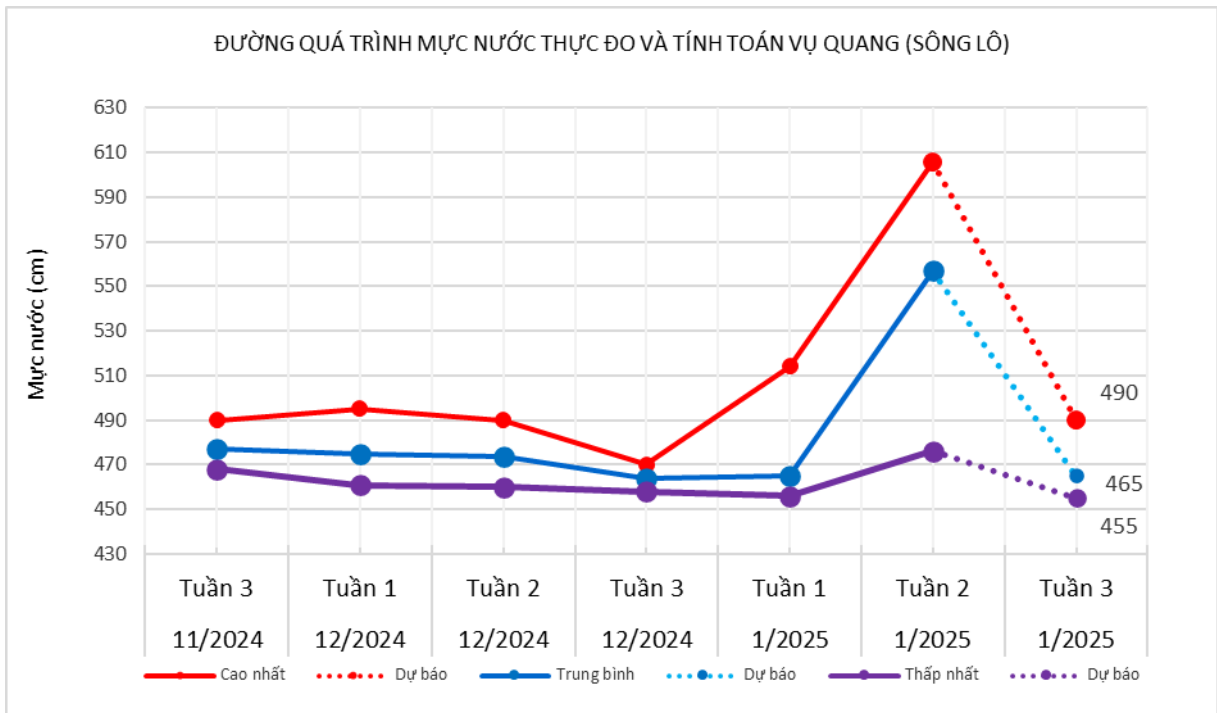


ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN PHÚ THỌ (SÔNG THAO)



ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TUYẾN QUANG (SÔNG LÔ)





2. Khu vực Đồng bằng và Trung du Bắc Bộ

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Dòng chảy đến hồ Hòa Bình dao động theo điều tiết của thủy điện Sơn La.

Trên sông Cầu, sông Thương và sông Lục Nam, mực nước biến đổi chậm, hạ lưu chịu ảnh hưởng của thủy triều. Mực nước hạ lưu trên sông Thái Bình dao động ở mức thấp, tại Phả Lại đã xuống mức thấp nhất lịch sử là -0,42m lúc 21 giờ 30 phút ngày 11/01/2025.

Trên sông Hồng, do các hồ chứa thủy điện tăng cường phát điện phục vụ đồ ải vụ Đông Xuân 2024-2025 đợt 1 (12-16/1), mực nước hạ lưu tại Hà Nội tăng từ ngày 10-16/1 và dao động ở mức 1,70m. Sau thời kỳ lấy nước mực nước hạ lưu sông Hồng biến đổi chậm với xu thế xuống và chịu ảnh hưởng mạnh của thủy triều. Mực nước sông Hoàng Long biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng của thủy triều.

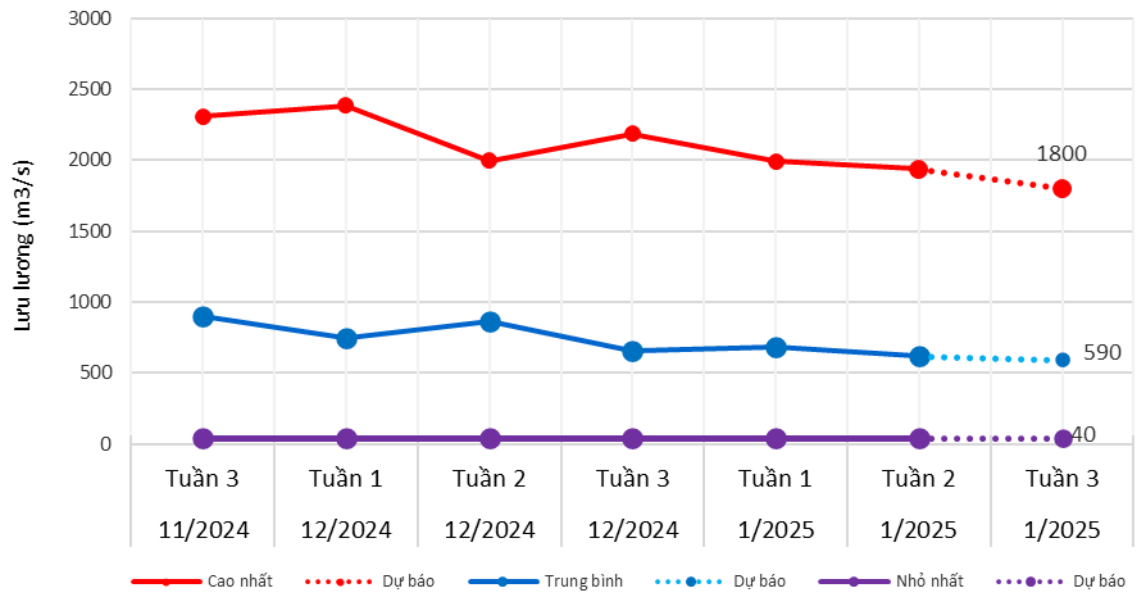
b. Dự báo, cảnh báo

Dòng chảy đến hồ Hòa Bình tiếp tục dao động theo điều tiết của thủy điện Sơn La.

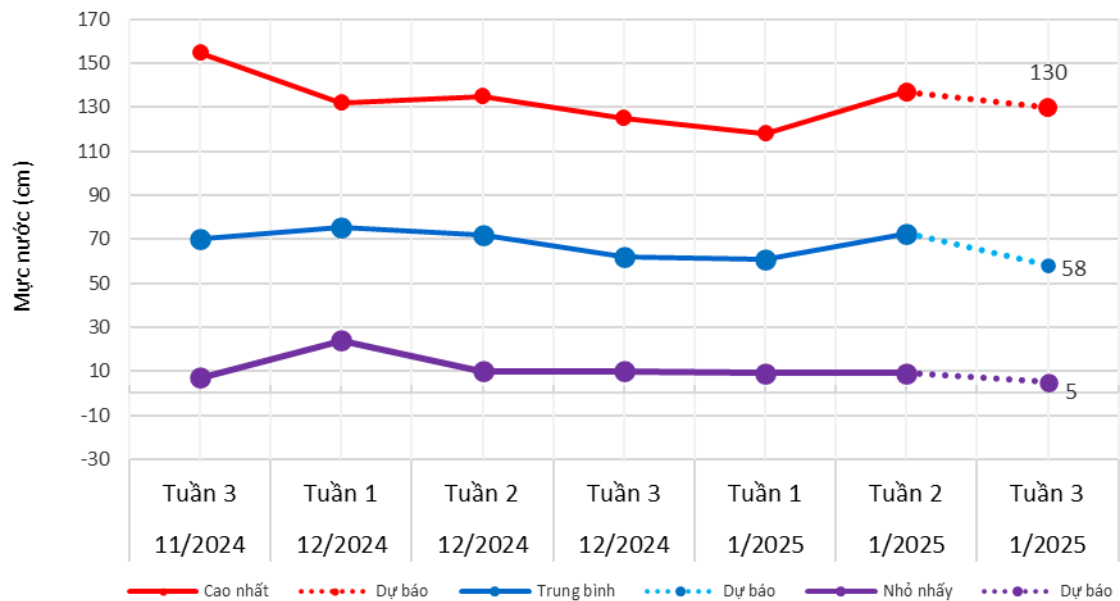
Mực nước hạ lưu sông Cầu, sông Thương, sông Lục nam và sông Thái Bình tiếp tục biến đổi ở mức thấp và chịu ảnh hưởng của thủy triều.

Mực nước hạ lưu sông Hồng tại Hà Nội và mực nước sông Hoàng Long tại Bến Đé tiếp tục biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng của thủy triều.

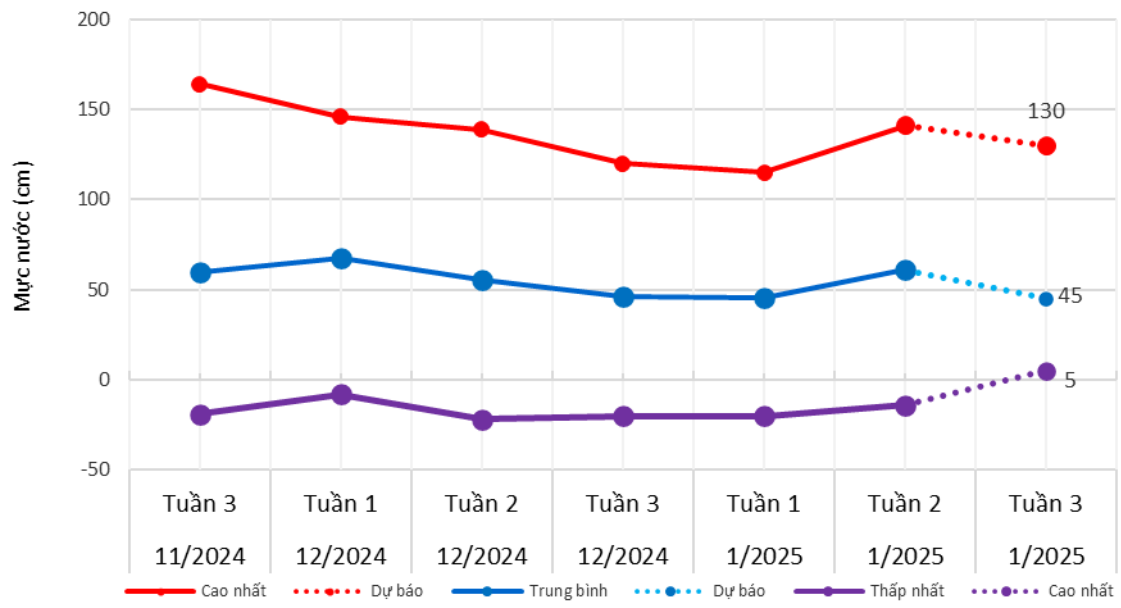
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH LƯU LƯỢNG THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM HÒA BÌNH (SÔNG ĐÀ)



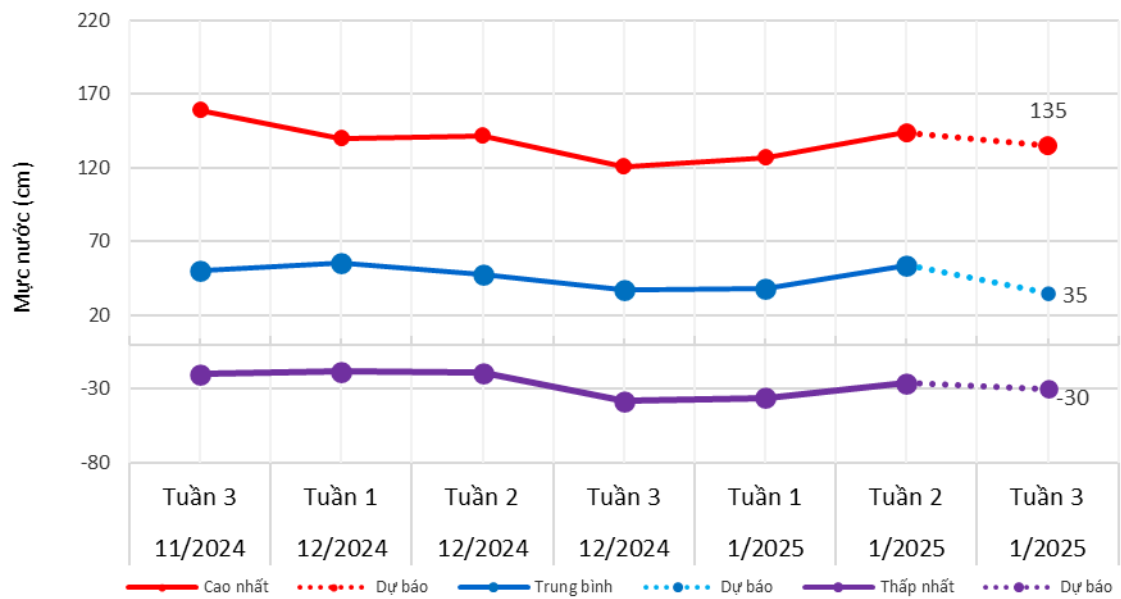
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN ĐÁP CẦU (SÔNG CẦU)



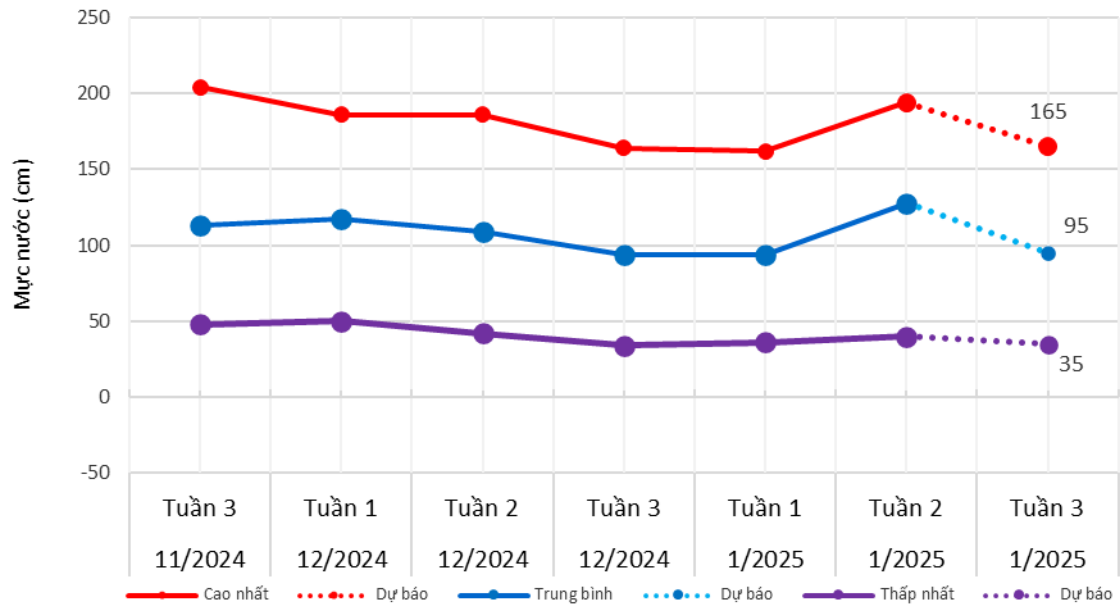
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN PHỦ LẠNG THƯƠNG (THƯƠNG)



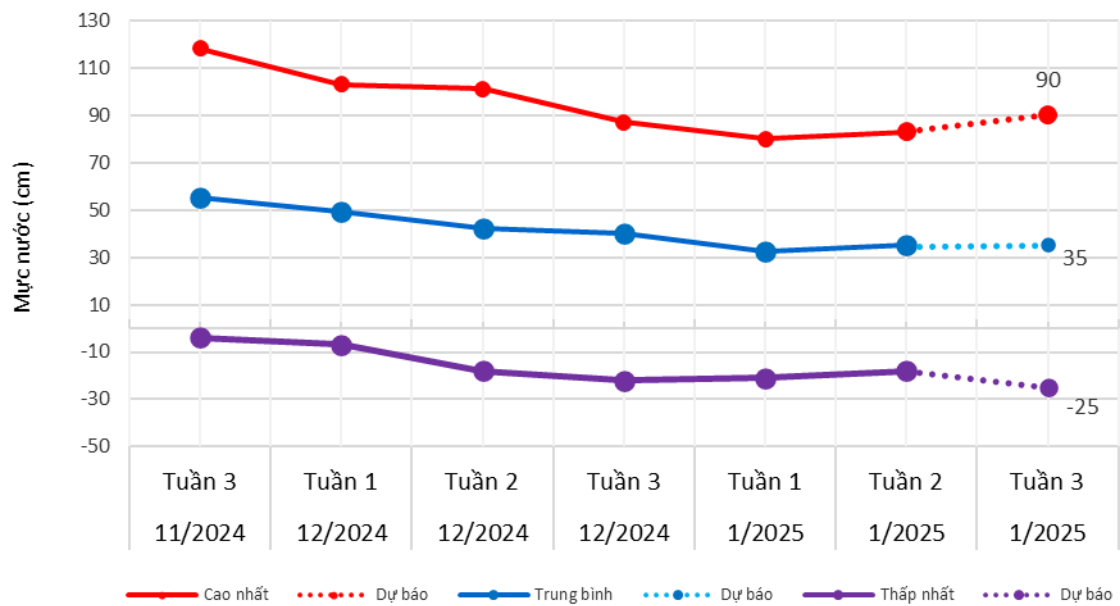
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN LỤC NAM (LỤC NAM)

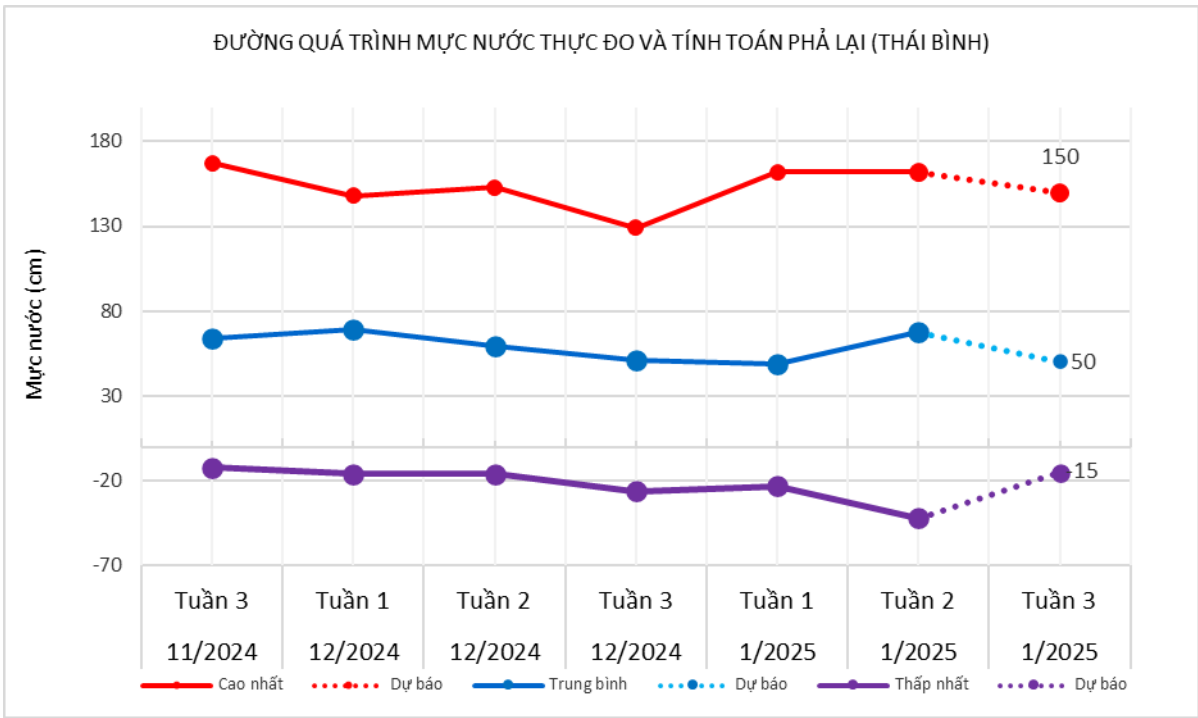


ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN HÀ NỘI (SÔNG HỒNG)



ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN BẾN ĐỀ (SÔNG HOÀNG LONG)





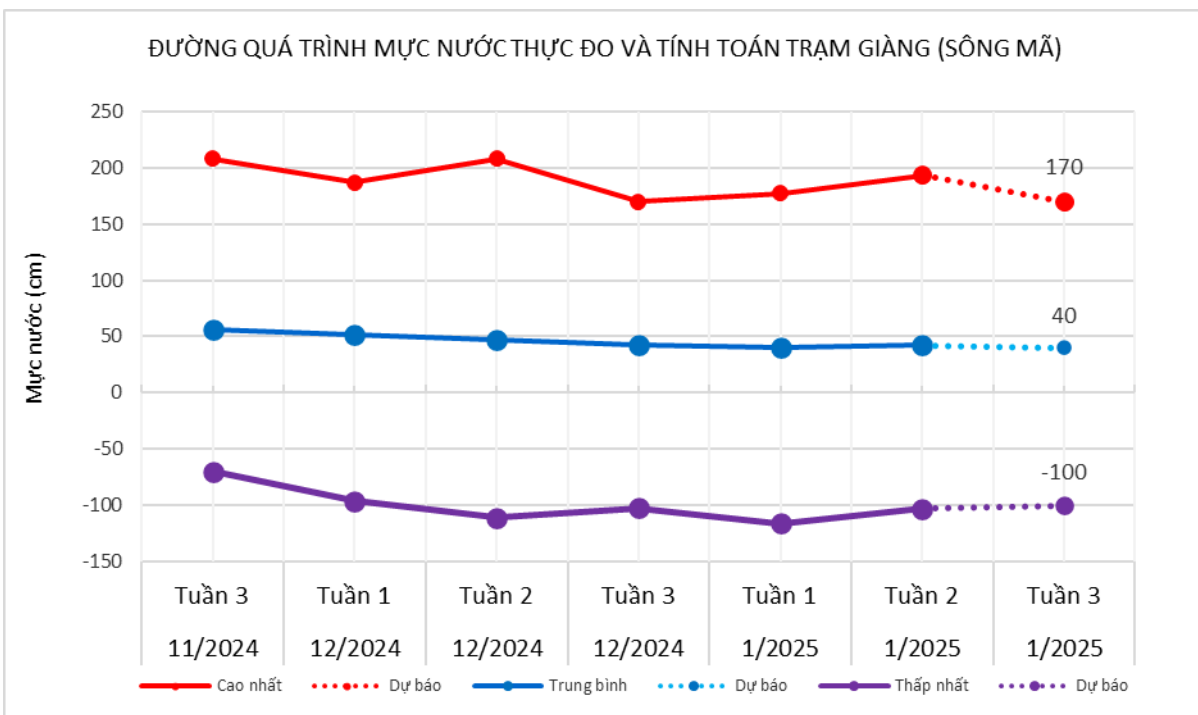
3. Khu vực Bắc Trung Bộ

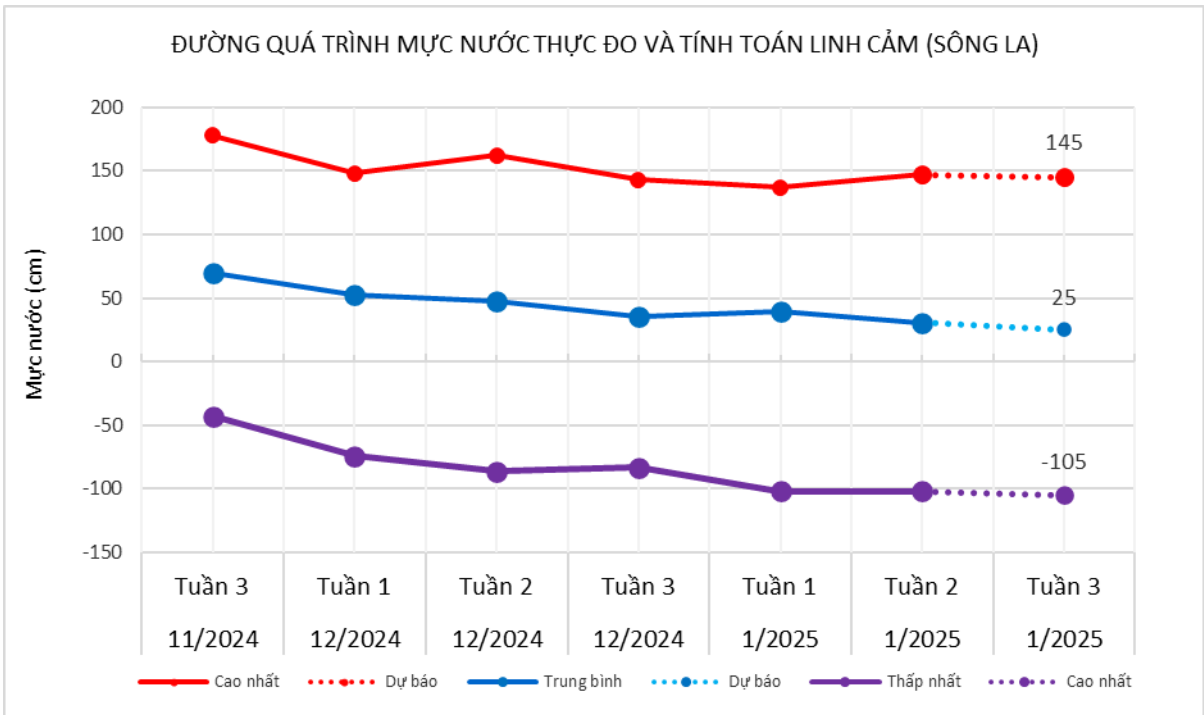
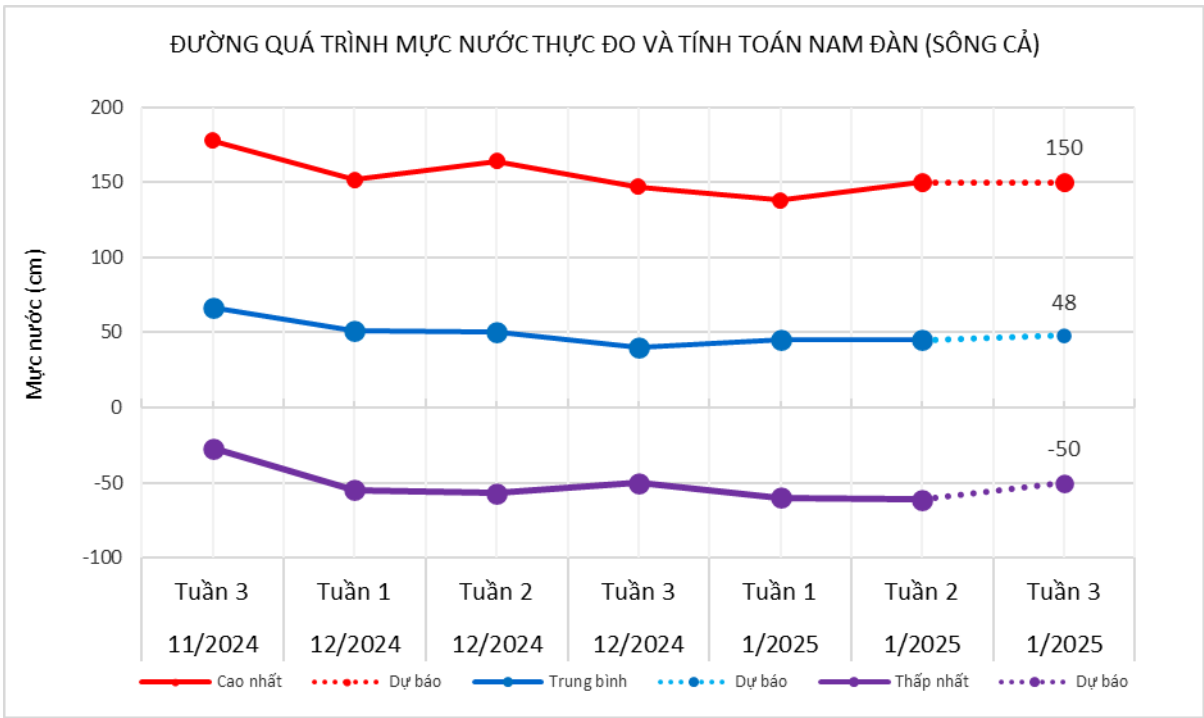
a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Thượng nguồn các sông trong khu vực biến đổi chậm, trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa, hạ lưu biến đổi theo triều. Lưu lượng dòng chảy trên các sông giảm hơn so với tuần trước.

b. Dự báo, cảnh báo

Thượng nguồn các sông trong khu vực biến đổi chậm, trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa, hạ lưu biến đổi theo triều. Lưu lượng dòng chảy trên các sông giảm hơn so với tuần trước





4. Khu vực Trung Trung Bộ

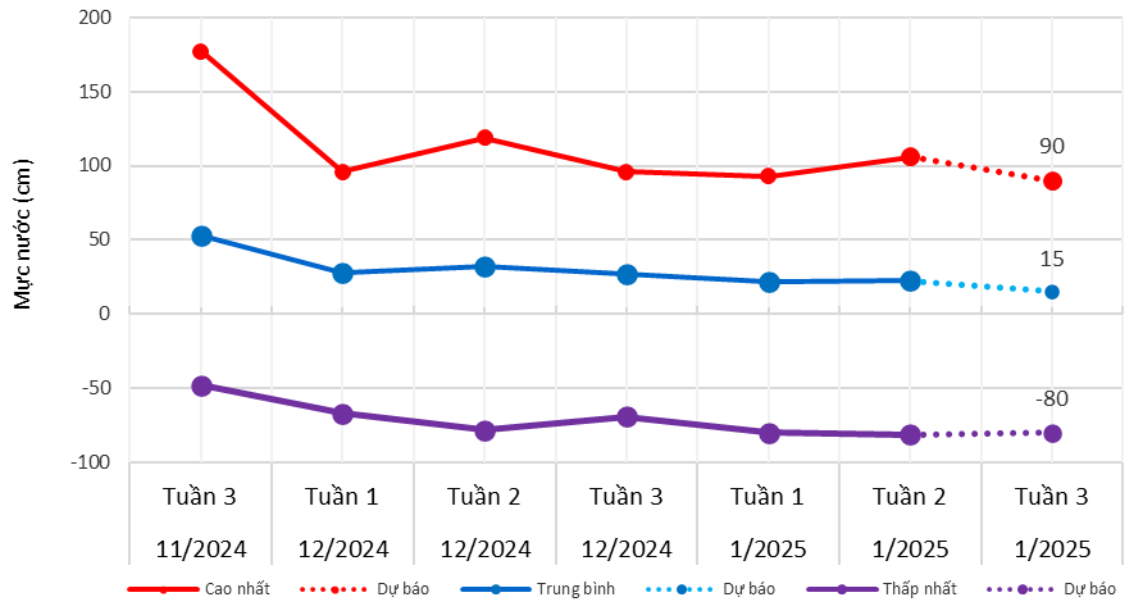
a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên các sông từ Quảng Bình đến Quảng Ngãi biến đổi chậm.

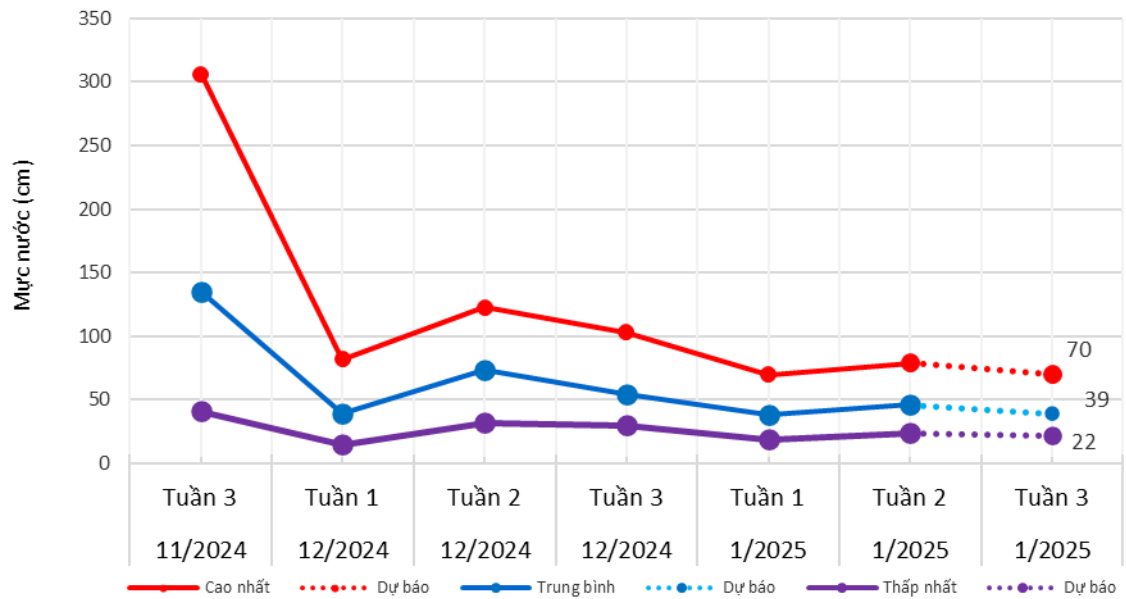
b. Dự báo, cảnh báo

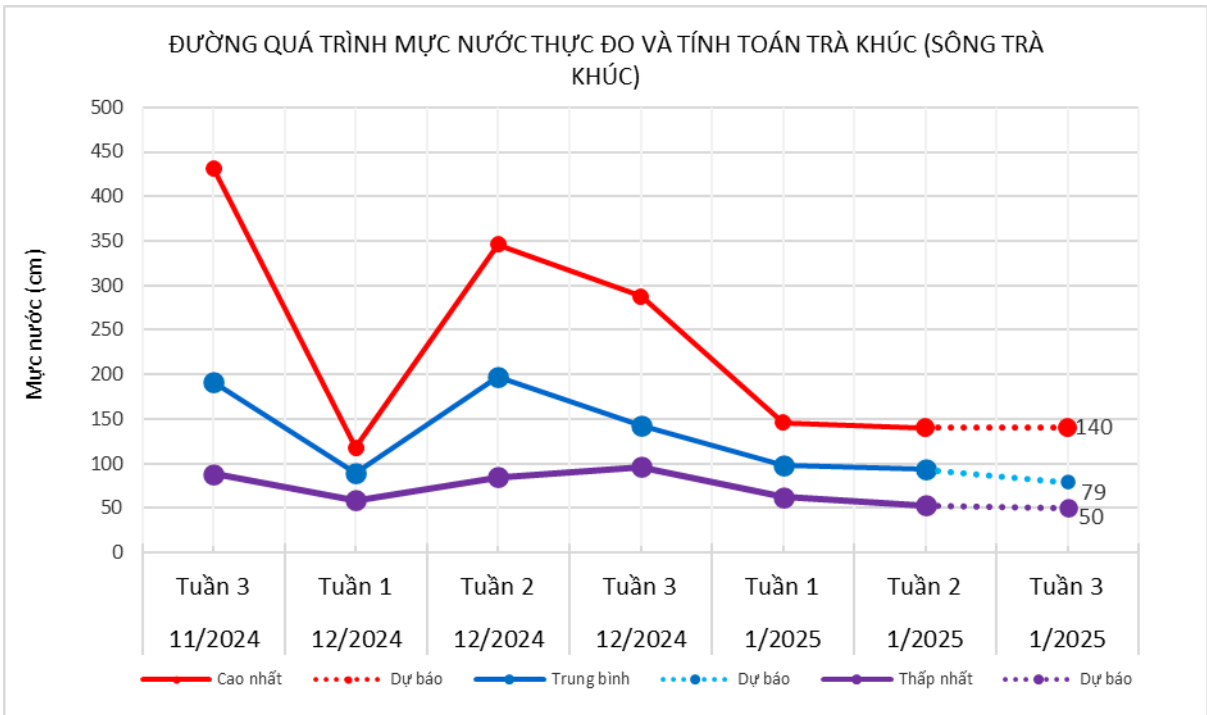
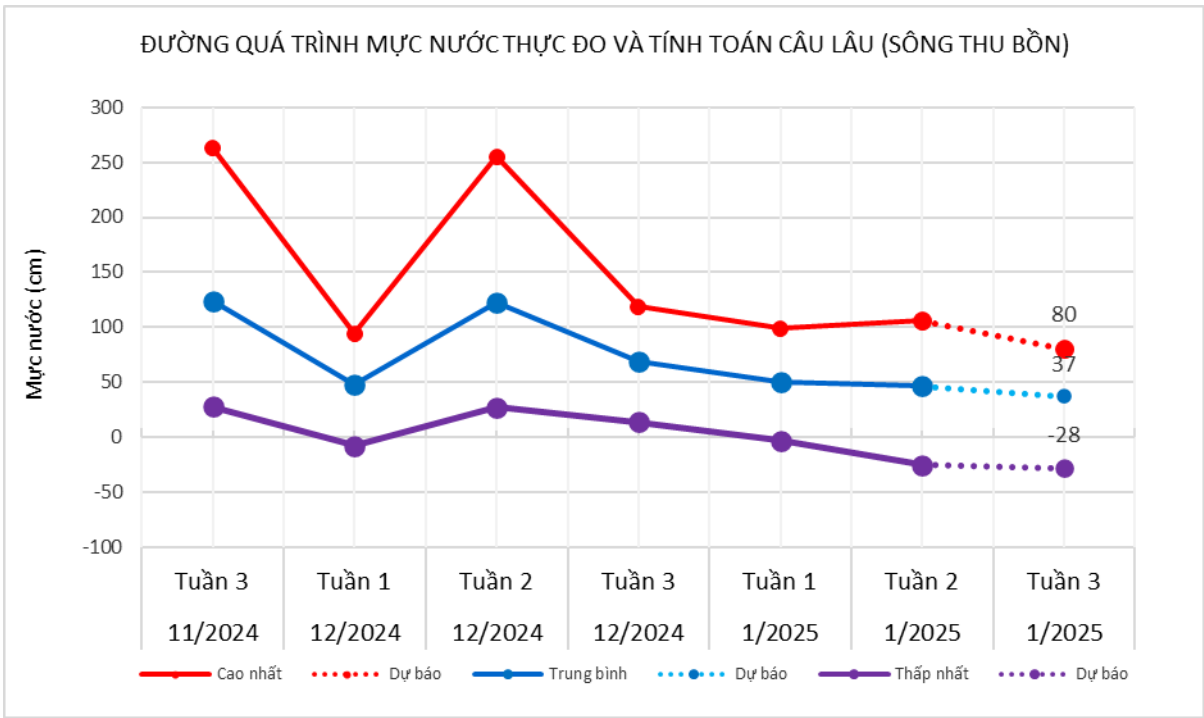
Mức nước thượng lưu các sông từ Thừa Thiên Huế đến Quảng Ngãi khả năng có dao động, hạ lưu và các sông khác biến đổi chậm.

ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN MAI HÓA (SÔNG GIANH)



ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN KIM LONG (SÔNG HƯƠNG)





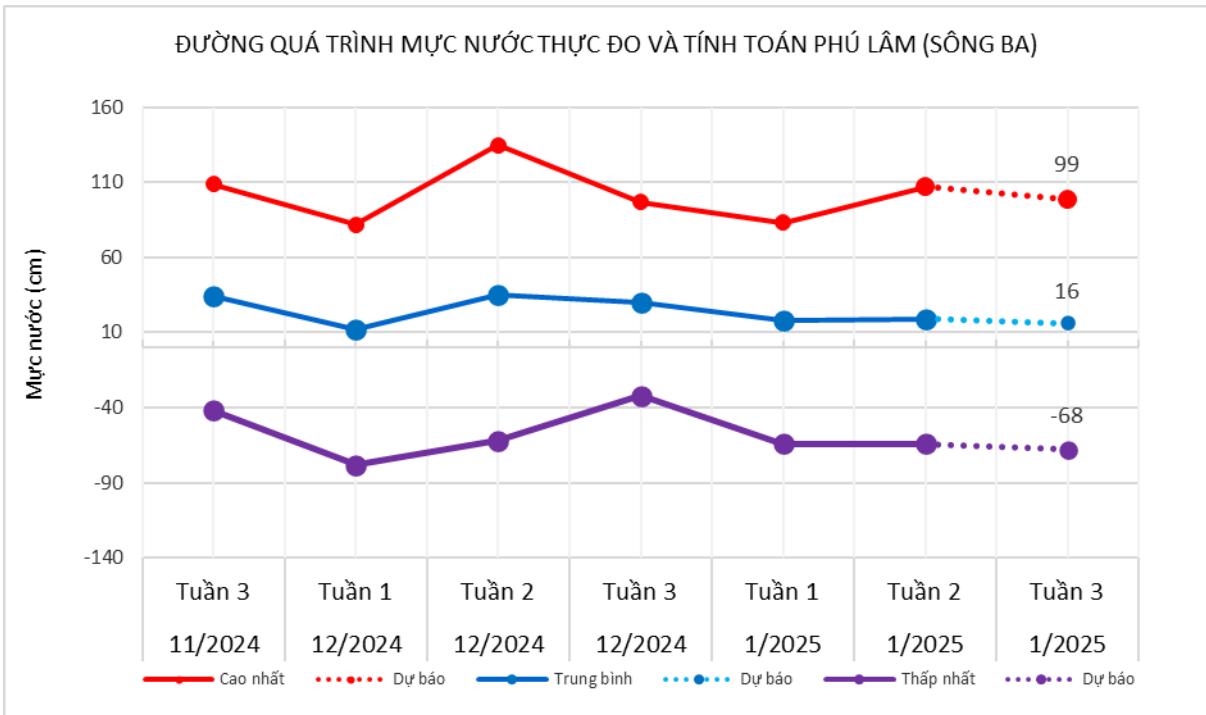
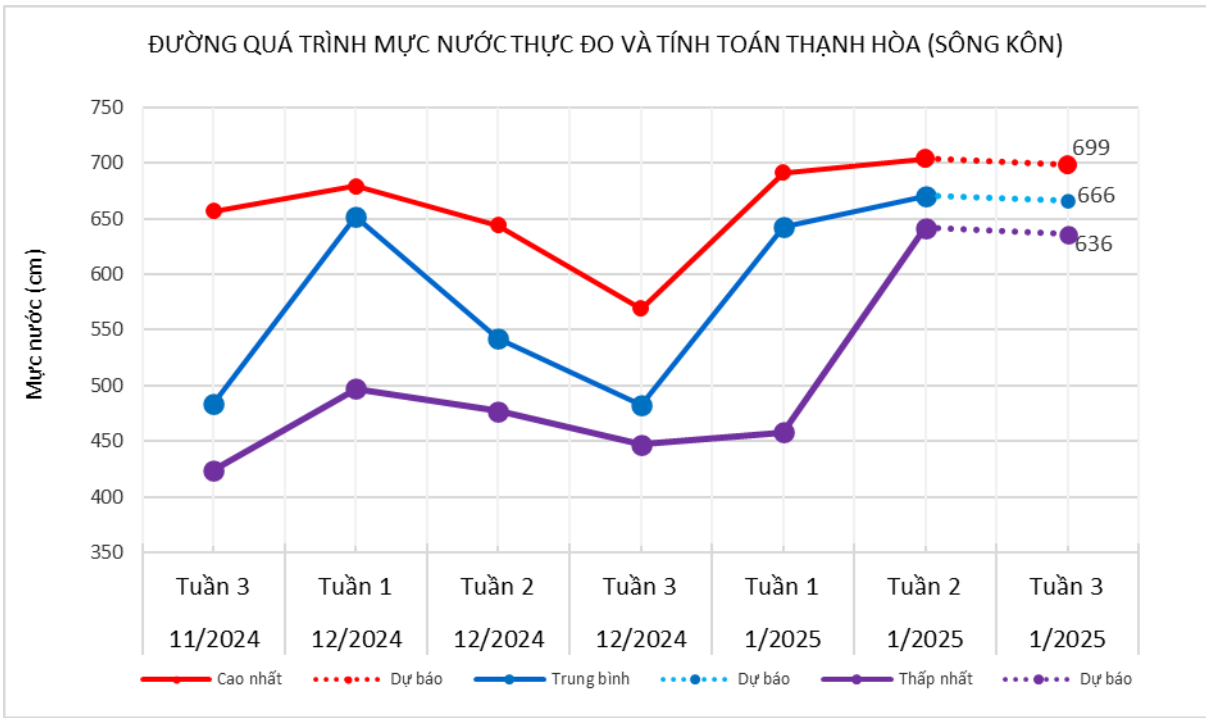
5. Khu vực Nam Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên các sông từ Bình Định đến Khánh Hòa biến đổi chậm.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước các sông trên khu vực biến đổi chậm.



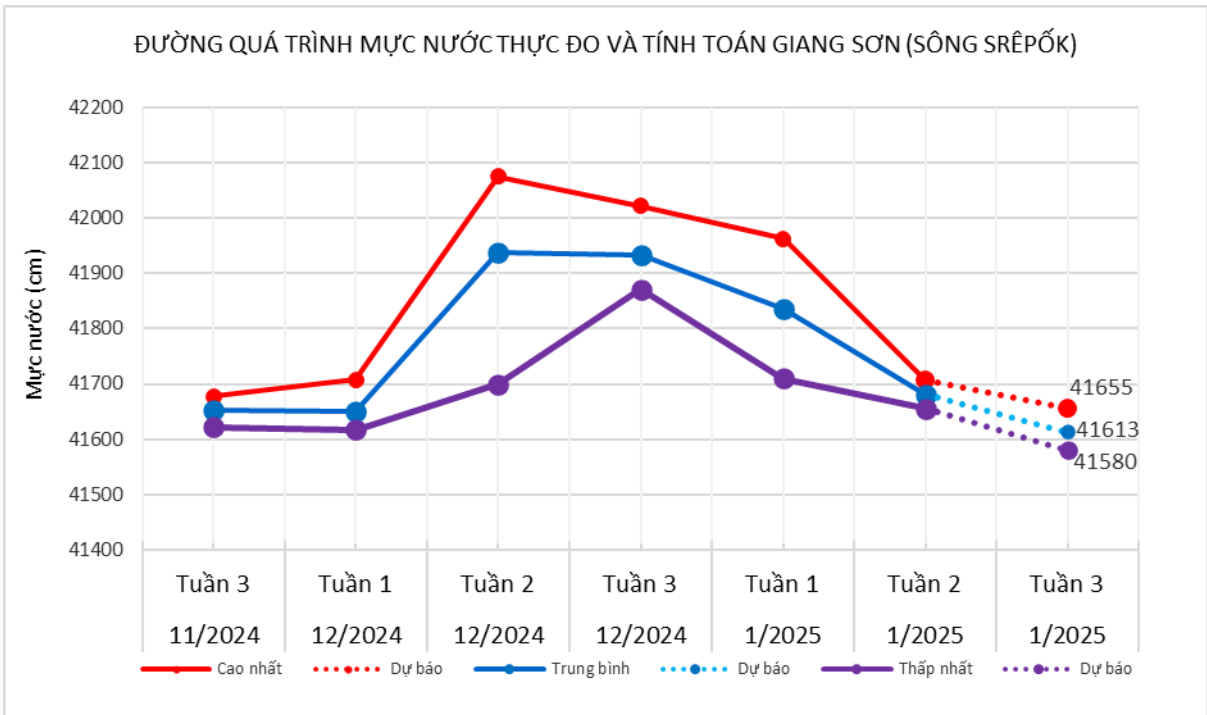
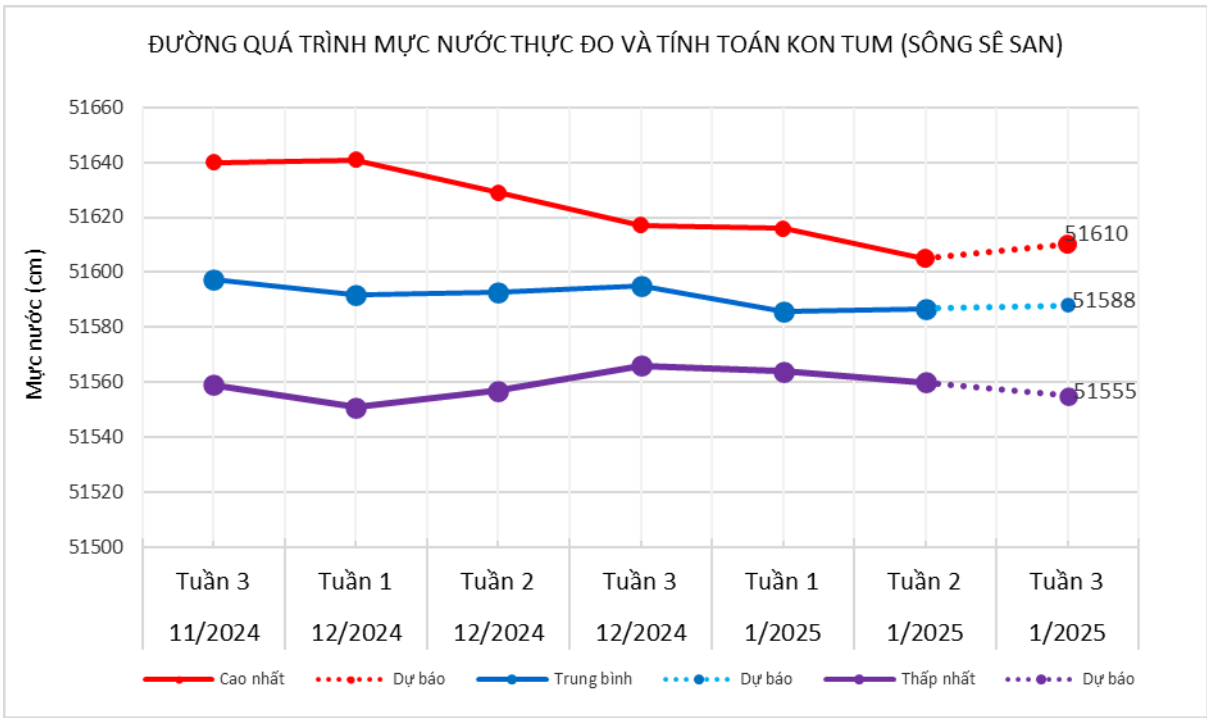
6. Khu vực Tây Nguyên

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Krông Ana (Đăk Lăk) biến đổi chậm, các sông khác phổ biến dao động theo vận hành của nhà máy thủy điện và các công trình thủy lợi.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Krông Ana biến đổi theo xu thế xuống dần. Mức nước trên các sông khác phổ biến dao động theo vận hành của nhà máy thủy điện và các công trình thủy lợi.



7. Khu vực Nam Bộ

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

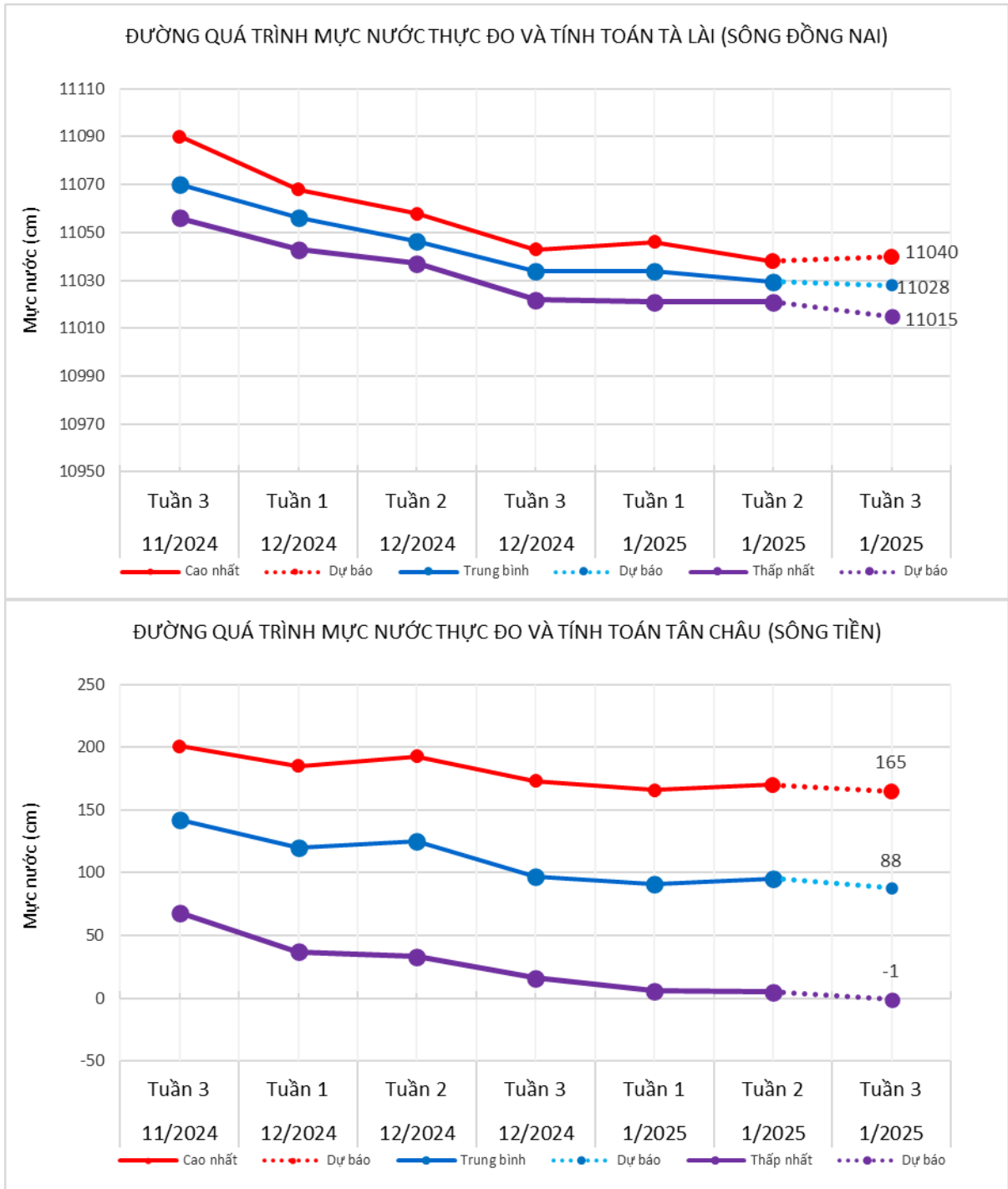
Mức nước sông Đồng Nai biến đổi chậm.

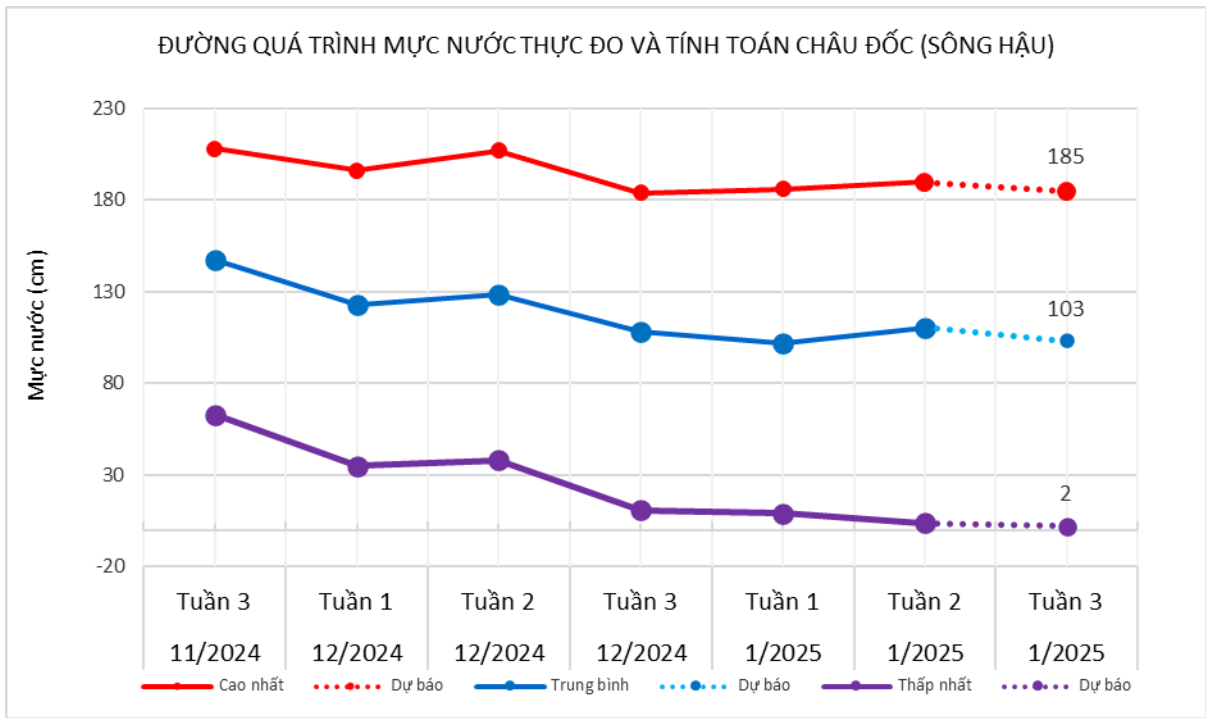
Mức nước sông Cửu Long biến đổi chậm theo triều. Mức nước cao nhất trên sông Tiền tại Tân Châu 1,70m (ngày 16/01), trên sông Hậu tại Châu Đốc 1,90m (ngày 13/01).

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước sông Đồng Nai biến đổi chậm.

Mức nước sông Cửu Long biến đổi chậm theo triều. Mức nước cao nhất tuần tại Tân Châu ở mức 1,65m, tại Châu Đốc ở mức 1,85m. Trong 05 ngày tiếp theo, mức nước sông Cửu Long biến đổi chậm theo triều.





Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 01/02/2025

Tin phát lúc: 15h00

Người chịu trách nhiệm ban hành bản tin

Phùng Tiến Dũng

Phụ lục
Phụ lục 1: Bảng mực nước, lưu lượng thực đo và dự báo các trạm

Đơn vị: cm

Sông	Trạm	Thực đo 10 ngày qua			Dự báo								
					5 ngày đầu			6 ngày cuối			Đặc trưng 11 ngày		
		Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất
Sông Đà	Hòa Bình (Q)	595	1935	40	630	1800	40	550	1700	40	590	1800	40
Thao	Yên Bái	2422	2452	2380	2380	2420	2350	2390	2450	2360	2385	2450	2350
Thao	Phú Thọ	1100	1123	1068	1050	1090	1030	1060	1100	1040	1055	1100	1030
Lô	Tuyên Quang	1329	1413	1182	1245	1300	1170	1245	1290	1165	1245	1300	1165
Lô	Vụ Quang	561	606	476	465	490	460	465	485	455	465	490	455
Cầu	Đáp Cầu	72	137	9	45	85	5	65	130	10	58	130	5
Thương	Phủ Lạng Thương	72	137	9	45	85	5	65	130	10	45	130	5
Lục Nam	Lục Nam	52	144	-26	30	80	-30	55	135	-20	35	135	-30
Hồng	Hà Nội	128	194	40	100	150	35	90	165	45	95	165	35
Hoàng Long	Bến Đẽ	34	83	-18	30	80	-20	40	90	-25	35	90	-25
Thái Bình	Phả Lại	65	162	-42	45	95	-15	65	150	-10	50	150	-15

Sông	Trạm	Thực đo 10 ngày qua			Dự báo								
					5 ngày đầu			6 ngày cuối			Đặc trưng 11 ngày		
		Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất
Mã	Giàng	42	193	-103	42	170	-100	38	160	-85	40	170	-100
Cả	Nam Đàn	45	150	-61	50	150	-50	46	135	-35	48	150	-50
La	Linh cảm	31	147	-102	27	145	-105	23	125	-75	25	145	-105
Giang	Mai Hóa	20	106	-81	13	65	-55	16	90	-80	15	90	-80
Hương	Kim Long	45	79	24	38	60	25	40	70	22	39	70	22
Thu Bồn	Câu Lâu	46	106	-25	35	55	5	38	80	-28	37	80	-28
Trà Khúc	Trà Khúc	93	140	53	75	90	50	82	140	52	79	140	50
Kôn	Thạnh Hòa	670	704	639	666	699	638	665	698	636	666	699	636
Đà Rằng	Phú Lâm	19	107	-64	16	99	-65	15	98	-68	16	99	-68
Đăkbla	Kon Tum	51587	51605	51560	51590	51610	51560	51586	51605	51555	51588	51610	51555
Krông Ana	Giang Sơn	41681	41706	41655	41625	41655	41605	41600	41610	41580	41613	41655	41580
Đồng Nai	Tà Lài	11030	11038	11021	11030	11040	11020	11025	11040	11015	11028	11040	11015
Tiền	Tân Châu	99	170	5	85	140	2	90	165	-1	88	165	-1
Hậu	Châu Đốc	114	190	4	100	160	5	105	185	2	103	185	2